

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THANH HOÁ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đã được kiểm toán

Nội dung

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05-07
Bảng cân đối kế toán	08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-19
Thuyết minh Báo cáo tài chính	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm 2014 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Thanh Hoá là một doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH một thành viên Sách và thiết bị trường học Thanh Hoá) theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập; hoạt động SXKD theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800230817 ngày 29/05/2009 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá (từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 11/11/2009), hoạt động theo luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ 10.500.000.000ĐỒNG

Trụ sở chính

- * Địa chỉ: Số 51 Đại lộ Lê Lợi, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- * Điện thoại: (84) 037.3852335
- * Fax: (84) 037.3752035

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản ấn phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm nhà nước cấm) (mã ngành 46497)
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phụ vụ sản xuất thiết bị giáo dục (mã ngành 464 465);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học, thiết bị văn phòng (mã ngành 465);
- Đào tạo và liên kết đào tạo (mã ngành 85322);
- Thi công xây dựng công trình dân dụng (mã ngành 410);
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (mã ngành 4932);
- Đại lý ký gửi hàng hóa (mã ngành 46101);
- Kinh doanh, xuất - nhập khẩu các loại sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Công ty
- Kinh doanh, xuất - nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm.

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thế Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014
Ông Lê Quý Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 03/09/2014
Ông Nguyễn Văn Xương	P. chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 11/04/2014
Ông Hà Đình Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 05 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 28/08/2014
Ông Nguyễn Tiến Lượng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2014
Bà Trương Thị Hiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2014
Bà Vũ Thị Ninh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2014

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Chương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2014
-----------------------	------------	------------------------------------

Ông Nguyễn Đình Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2014
Ông Hà Tiến Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2015
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 05 năm 2009

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Thế Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014
Ông Hà Đình Sơn	P.Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 05 năm 2009
		Miễn nhiệm ngày 14/09/2014
Bà Trương Thị Hiền	P.Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014
Bà Vũ Thị Ninh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2015

Kết quả hoạt động :

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là : 66.098.559Đồng

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN là Công ty làm công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 03 năm 2015



Lê Thế Sơn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thanh Hoá ngày 31 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ

KIỂM TOÁN VN (VNAAFC)

2602001860
CÔNG TY
T.N.H.H
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
VN

Hoàng Minh Tường
Giám đốc

Giấy CN ĐKHNK kiểm toán số: 0318-2013-143-1

Nguyễn Thị Tâm
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHNK kiểm toán số: 0585-2013-143-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Tài sản ngắn hạn	100		44.144.913.375	28.591.720.727
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.542.383.702	1.442.697.609
1 Tiền	111	V.01	2.542.383.702	1.442.697.609
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4.706.676.997	3.347.353.462
1 Đầu tư ngắn hạn	121		5.560.020.952	4.701.427.805
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(853.343.955)	(1.354.074.343)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.318.866.127	15.958.657.936
1 Phải thu của khách hàng	131		24.615.575.940	15.378.083.456
2 Trả trước cho người bán	132		417.317.931	108.154.747
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	482.197.459	668.644.936
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(196.225.203)	(196.225.203)
V Hàng tồn kho	140		9.935.615.754	6.860.737.380
1 Hàng tồn kho	141	V.04	9.935.615.754	6.860.737.380
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.641.370.795	982.274.340
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		145.278.780	49.303.235
3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	-	72.473.254
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		1.496.092.015	860.497.851
B Tài sản dài hạn	200		9.795.833.797	9.843.271.646
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		6.095.837.456	6.360.038.085
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.095.837.456	6.360.038.085
- Nguyên giá	222		7.869.567.312	7.826.067.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.773.729.856)	(1.466.029.227)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	-
III Bất động sản đầu tư	240	V.11	-	-
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.699.996.341	3.483.233.561
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.699.996.341	3.483.233.561
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản			53.940.747.172	38.434.992.373

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Nguồn vốn		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300	42.613.383.863	26.969.545.326
I	Nợ ngắn hạn	310	42.613.383.863	26.969.545.326
1	Vay và nợ ngắn hạn	311 <i>V.14</i>	15.783.123.200	14.710.760.500
2	Phải trả cho người bán	312 <i>V.15</i>	19.085.142.538	9.532.559.931
3	Người mua trả tiền trước	313	4.661.928.292	24.738.930
4	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314 <i>V.16</i>	10.271.827	10.505.537
5	Phải trả người lao động	315	559.484.299	133.449.437
6	Chi phí phải trả	316 <i>V.17</i>	37.000.695	24.436.729
7	Phải trả nội bộ	317	-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319 <i>V.18</i>	2.822.391.770	2.813.853.020
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	(345.958.758)	(280.758.758)
II	Nợ dài hạn	330	-	-
1	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332 <i>V.19</i>	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334 <i>V.20</i>	-	-
5	Thuế thu nhập hoãn phải trả lại	335	-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9	Quỹ khoa học và phát triển công nghệ	339	-	-
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400	11.327.363.309	11.465.447.047
I	Vốn chủ sở hữu	410 <i>V.21</i>	11.327.363.309	11.465.447.047
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10.500.000.000	10.500.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	21.823.815	21.823.815
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	34.863.526	34.863.526
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	770.675.968	908.759.706
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1	Nguồn kinh phí	432 <i>V.22</i>	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
Tổng cộng nguồn vốn			53.940.747.172	38.434.992.373

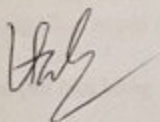
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

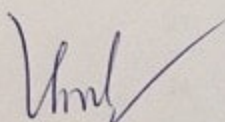
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài	24	-	-
2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại		-	-
Trong đó:			
USD		-	-
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Vũ Thị Ninh



Giám đốc



Lê Thế Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.23	58.879.959.427	52.981.804.386
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	654.065.209	540.987.681
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.225.894.218	52.440.816.705
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.25	52.506.229.860	48.096.007.041
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.719.664.358	4.344.809.664
6 Doanh thu hoạt động tài chính (*)	21	VI.24	3.219.818.029	863.420.365
7 Chi phí tài chính	22	VI.26	4.103.946.550	1.834.806.570
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.103.946.550	1.336.195.103
8 Chi phí bán hàng	24		1.195.578.671	543.227.642
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.635.923.303	2.445.670.796
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.033.863	384.525.021
11 Thu nhập khác	31	VI.27	120.212.623	682.354.186
12 Chi phí khác	32	VI.28	48.396.100	-
13 Lợi nhuận khác	40		71.816.523	682.354.186
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.850.386	1.066.879.207
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	9.751.827	158.119.501
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		66.098.559	908.759.706
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

[Signature]

Kế toán trưởng

[Signature]

Vũ Thị Ninh

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THANH HOÁ
Giám đốc
[Signature]
Lê Thế Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	57 439 254 897	49 862 630 583
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-50 386 327 617	-47 479 440 625
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-1 878 450 065	-1 293 429 363
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-1 376 002 415	-1 334 345 788
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	- 69 563 043	- 248 370 503
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	351 267 063	393 581 488
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-2 032 667 733	-1 238 917 569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2 047 511 087	-1 338 291 777
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	- 43 500 000	- 97 300 000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-3 102 000 000	-2 350 000 000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	700 000 000	3 750 000 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	453 960 306	206 612 464
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-1 991 539 694	1 509 312 464
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	- 28 648 000	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42 246 133 200	38 138 429 500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-41 173 770 500	-37 327 669 000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		- 262 500 000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1 043 714 700	548 260 500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	1 099 686 093	719 281 187
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	61		
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	70	2 542 383 702	1 442 697 609
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)			

Thanh Hoá ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

(Chữ ký)

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Vũ Thị Ninh



Giám đốc Công ty

(Chữ ký)
Lê Thế Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Thanh Hóa là một doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH một thành viên Sách và thiết bị trường học Thanh Hoá) theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập; hoạt động SXKD theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800230817 ngày 29/05/2009 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá (từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 11/11/2009), hoạt động theo luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính

- * Địa chỉ: Số 51 Đại lộ Lê Lợi, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- * Điện thoại: (84) 037.3852335
- * Fax: (84) 037.3752035

Ngành nghề kinh doanh:

• Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản ấn phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm nhà nước cấm) (mã ngành 46497)

• Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phụ vụ sản xuất thiết bị giáo dục (mã ngành 464 465);

• Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học, thiết bị văn phòng (mã ngành 465);

• Đào tạo và liên kết đào tạo (mã ngành 85322);

• Thi công xây dựng công trình dân dụng (mã ngành 410);

• Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (mã ngành 4932);

• Đại lý ký gửi hàng hóa (mã ngành 46101);

• Kinh doanh, xuất - nhập khẩu các loại sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Công ty

• Kinh doanh, xuất - nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo quy định tại thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận vào khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính V/v: Thực hiện chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận vào khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữ giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chi cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các doanh nghiệp phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	1.681.141.974	484.854.875
- Tiền gửi ngân hàng	861.241.728	957.842.734
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	2.542.383.702	1.442.697.609
2. Đầu tư ngắn hạn		
- Cho cá nhân vay	2.802.000.000	400.000.000
- Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	2.729.012.952	4.301.427.805
- Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	(804.413.955)	(1.354.074.343)
Cộng	4.726.598.997	3.347.353.462
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu khác	482.197.459	668.644.936
Trong đó:		
- Công ty tramexco Thanh Hoá	1.000.000	1.000.000
- Cổ tức, lãi dự thu	146.252.616	351.131.779
- Bà Trương Thị Hiền	292.760.267	292.760.267
- Phải thu khác	42.184.576	23.752.890
Cộng	482.197.459	668.644.936
4. Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	179.989.819	69.076.188
- Công cụ, dụng cụ trong kho	-	-
- Chi phí sản xuất kinh Doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm tồn kho	-	-

- Hàng hóa tồn kho	8.969.492.650	5.961.238.734
- Hàng gửi đi bán	786.133.285	830.422.458
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng	9.935.615.754	6.860.737.380

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	72.473.254
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
- Các khoản khác phải thu nhà nước	-	-
Cộng	-	72.473.254

6. Phải thu dài hạn nội bộ

	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

7. Phải thu dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ ký cược dài hạn	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCD khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCD HH					
1. Số dư đầu năm	7.447.157.697	38.320.000	243.289.615	97.300.000	7.826.067.312
2. Số tăng trong năm	-	-	-	43.500.000	43.500.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	7.447.157.697	38.320.000	243.289.615	140.800.000	7.869.567.312
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	1.322.381.259	38.320.000	88.597.968	16.730.000	1.466.029.227
2. Số tăng trong năm	252.561.668	-	24.328.961	30.810.000	307.700.629
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	1.574.942.927	38.320.000	112.926.929	47.540.000	1.773.729.856
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.124.776.438	-	154.691.647	80.570.000	6.360.038.085
2. Tại ngày cuối năm	5.872.214.770	-	130.362.686	93.260.000	6.095.837.456

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Hệ thống quản lý chất lượng	Bảng quyền bằng sáng chế	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ HH					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ Doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh Doanh					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số cuối kỳ	-	-	-	-	-
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			Cuối năm	Đầu năm	
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			-	-	
Cộng			-	-	

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
12. Đầu tư dài hạn khác		Cuối năm	Đầu năm	
- Đầu tư cổ phiếu		-	-	
- Đầu tư trái phiếu		-	-	
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		-	-	
- Cho vay dài hạn		-	-	
- Đầu tư dài hạn khác		-	-	
Cộng		-	-	

	Cuối năm	Đầu năm
13. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	319.947.276	152.114.496
- Lợi thế kinh doanh	3.331.119.065	3.331.119.065
- Chi phí trả trước dài hạn khác	48.930.000	
Cộng	3.699.996.341	3.483.233.561
14. Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn:	15.783.123.200	14.710.760.500
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Thanh Hoá	14.483.123.200	13.410.760.500
- Vay Ngân hàng Quốc tế - CN Thanh Hoá	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	15.783.123.200	14.710.760.500
15 Phải trả người bán		
Phải trả các đối tượng	19.085.142.538	9.532.559.931
Cộng	19.085.142.538	9.532.559.931
16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập Doanh nghiệp	9.751.827	-
- Thuế thu nhập cá nhân	520.000	10.505.537
- Thuế tài Nguyên	-	-
Cộng	10.271.827	10.505.537
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
17. Chi phí phải trả		
- Trích trước tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	18.922.225	
- Chi phí Phát hành	18.078.470	24.436.729
- Lãi vay phải trả	37.000.695	24.436.729
Cộng	37.000.695	24.436.729
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ xử lý	579.007	
- Kinh phí Công đoàn	48.775.325	39.855.282
- Phải trả về CP hoá	2.723.350.709	2.723.350.709
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.000.000	23.000.000
- Các khoản phải nộp khác	26.686.729	27.647.029
Cộng	2.822.391.770	2.813.853.020
19. Phải trả dài hạn nội bộ		
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		

Cộng		
20. Vay dài hạn và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	-	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng		

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Vốn đầu năm	10.500.000.000	-	21.823.815	34.863.526	908.759.706	-	11.465.447.047
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	66.098.559	-	66.098.559
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	204.182.297	-	204.182.297
31/12/2014	10.500.000.000	-	21.823.815	34.863.526	770.675.968	-	11.327.363.309

	Cuối năm	Đầu năm
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam		5.355.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	44.300.000	
Vốn góp của các đối tượng khác	10.455.700.000	5.145.000.000
- Do pháp nhân nắm giữ		
- Do thể nhân nắm giữ		
Cộng	10.500.000.000	10.500.000.000

	Năm nay	Năm trước
c) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu được phát hành	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu thường	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.430	-
- Cổ phiếu thường	4.430	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.045.570	-
- Cổ phiếu thường	1.045.570	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		
	Năm nay	Năm trước

d) Các quỹ khác của công ty		
- Quỹ đầu tư phát triển	21.823.815	21.823.815
- Quỹ dự phòng tài chính	34.863.526	34.863.526

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
e) Lợi nhuận chưa phân phối	908.759.706	358.707.052
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	65.817.759	908.759.706
Lợi nhuận sau thuế TNDN	204.182.297	358.707.052
Phân phối lợi nhuận	204.182.297	358.707.052
Phân phối lợi nhuận năm trước		262.500.000
- Chia cổ tức		22.000.000
- Trả lao ban kiểm soát và HĐQT		74.207.052
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	204.182.297	
- Chi khác	770.395.168	908.759.706
Cộng		
22. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
- Nguồn kinh phí sự nghiệp được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-
23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	58.879.959.427	52.981.804.386
+ Doanh thu bán sách và thiết bị trường học	57.645.351.861	52.769.889.369
+ Doanh thu khác	1.234.607.566	211.915.017
Các khoản giảm trừ doanh thu	654.065.209	540.987.681
+ Chiết khấu thương mại	482.329.811	507.204.215
+ Hàng bán bị trả lại	171.735.398	33.783.466
Cộng	58.225.894.218	52.440.816.705
24. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	169.161.143	249.666.743
Lãi bán cổ phiếu	-	558.152
Cổ tức, lợi nhuận được chia	79.920.000	178.077.500
Lãi bán hàng trả chậm	-	364.565.516
Doanh thu hoa hồng giao dịch chứng khoán	106.371.585	70.552.454
Cộng	355.452.728	863.420.365
25. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán sách thiết bị và trường học	51.715.643.971	47.816.286.756
- Giá vốn hàng khác	790.585.889	279.720.285
Cộng	52.506.229.860	48.096.007.041
26. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.369.644.156	1.358.782.517
- Chiết khấu Thanh toán tiền trả chậm	-	70.318.954
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(549.660.388)	404.529.884
- Lỗ do bán cổ phiếu	370.667.481	1.175.215
Cộng	1.190.651.249	1.834.806.570
27. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập cho thuê văn phòng	116.756.623	160.051.042
- Thu phí phát hành sách	-	374.377.239
- Hàng thừa kiểm kê siêu thị	3.456.000	147.925.905
Cộng	120.212.623	682.354.186

	Năm nay	Năm trước
28. Chi phí khác		
- Chi phí nộp phạt thuế	48.396.100	
Cộng	48.396.100	
29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.751.827	158.119.500
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	
Cộng	9.751.827	158.119.500
30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.935.646	89.600.863
- Chi phí nhân công	2.289.045.145	1.632.107.735
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.700.629	295.220.629
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.087.931.663	575.668.735
- Chi phí khác bằng tiền	1.257.651.671	810.885.525
Cộng	5.048.264.754	3.403.483.487

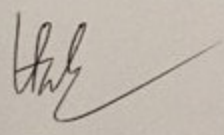
VI. Những thông tin khác

Số liệu so sánh

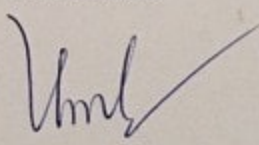
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do đơn vị cung cấp. Số liệu này đã được phân loại cho phù hợp với số liệu năm nay.

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Vũ Thị Ninh



Lê Thế Sơn